

PHỤ LỤC XXVIII

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1606BCB4-DCVFM

TP.HCM, ngày 16 tháng 06 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ/Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DC (DCBF) như sau:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ/Bản cáo bạch mới	Khoản mục, điều của Điều lệ/Bản cáo bạch cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
I. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA			
1	"Quỹ trái phiếu" Là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% và hướng đến 100% giá trị tài sản ròng.	"Quỹ trái phiếu" Là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.	Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật hiện hành
2	"Ngân hàng giám sát" Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Standard Chartered) Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quý, đồng thời giám sát hoạt động của Quý. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.	"Ngân hàng giám sát và lưu ký" Là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ.	
3		"Chứng chỉ quỹ lẻ" Là chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản có số lượng nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ	

		tối thiểu duy trì tài khoản. Chứng chỉ quỹ này phát sinh từ trường hợp lệnh Bán/chuyển đổi chỉ được thực hiện mua lại một phần theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này. Giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.	
4	<p>"Giá bán/ Giá phát hành"</p> <p>Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã được quy định tại Bản cáo bạch này.</p>	<p>"Giá bán/ Giá phát hành"</p> <p>Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành đã quy định tại bản cáo bạch này.</p>	
5	<p>"Giá mua lại"</p> <p>Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Bản cáo bạch này.</p>	<p>"Giá mua lại"</p> <p>Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ.</p>	
6	<p>"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"</p> <p>Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ DCBF sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ DCBF tại ngày gần nhất trước ngày định giá.</p>	<p>"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"</p> <p>(Sau đây gọi tắt là NAV) Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ DCBF sở hữu trừ đi các nghĩa vụ tổng nợ phải trả của Quỹ DCBF tại thời điểm định giá.</p>	
7	<p>"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"</p> <p>Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Bản cáo bạch này.</p>	<p>"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"</p> <p>Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ DCVFM thay mặt quỹ thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm đóng sổ lệnh. Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ được thực hiện định kỳ hằng tuần vào ngày thứ Sáu (tức ngày T), là ngày làm việc. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.</p>	
8	<p>"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"</p> <p>...</p> <p>- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.</p>	<p>"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"</p> <p>...</p> <p>- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.</p>	
9	<p>"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"</p> <p>...</p> <p>- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.</p>	<p>"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"</p> <p>...</p> <p>- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.</p>	
IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ DCBC			
1	3. Các quy định về mục tiêu, chính sách	3. Các quy định về mục tiêu, chính sách	Điều chỉnh phù hợp quy

<p>và hạn chế đầu tư của Quỹ</p> <p>3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ</p> <p>Mục tiêu chính của Quỹ DCBF là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Tài sản đầu tư của Quỹ được mô tả chi tiết tại điểm 3.2 dưới đây</p> <p>Công ty quản lý quỹ DCVFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép</p> <p>3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ</p> <p>Danh mục đầu tư:</p> <p>....</p> <p>d) Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ trái phiếu đại chúng;</p> <p>e) Trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau: ...</p> <p>3.3 Lĩnh vực đầu tư</p> <p>Lĩnh vực đầu tư của quỹ DCBF tập trung vào các loại tài sản hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; - Tín phiếu; Các công cụ có thu nhập cố định khác; Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi, các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ...). <p>Ngoài ra, trong danh mục đầu tư của Quỹ DCBF cũng bao gồm các loại giấy tờ có giá, các công cụ thị trường tiền tệ ... theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>3.4 Các hạn chế đầu tư của Quỹ</p> <p>...</p> <p>h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của quỹ trái phiếu đại chúng khác, do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p>	<p>và hạn chế đầu tư của Quỹ</p> <p>3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ</p> <p>Mục tiêu chính của Quỹ DCBF là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, tín phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Tài sản đầu tư của Quỹ được mô tả chi tiết tại điểm 3.2 dưới đây.</p> <p>Công ty Quản lý quỹ DCVFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.</p> <p>3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ</p> <p>...</p> <p>d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Trường hợp đầu tư vào vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:...</p> <p>3.3 Lĩnh vực đầu tư</p> <p>Lĩnh vực đầu tư của quỹ DCBF tập trung vào các loại tài sản hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. - Tín phiếu, các công cụ có thu nhập cố định khác; Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán phát sinh...). <p>Ngoài ra, trong danh mục đầu tư của Quỹ DCBF cũng bao gồm các loại giấy tờ có giá, các công cụ thị trường tiền tệ, cổ</p>	<p>định pháp luật.</p>
---	--	------------------------

<p>- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ trái phiếu đại chúng; - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ trái phiếu đại chúng; - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ của quỹ trái phiếu đại chúng. i) Đối với cổ phiếu hình thành từ việc thực hiện quyền chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi do quỹ nắm giữ, quỹ sẽ thực hiện việc bán các cổ phiếu này ngay khi có thể thực hiện giao dịch.</p>	<p>phiếu... theo quy định của pháp luật Việt Nam. 3.4 Các hạn chế đầu tư của Quỹ ... h. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau: - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.</p>	
--	--	--

V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

<p>1</p>	<p>1. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ a. Đơn đăng ký mở tài khoản: Nhà đầu tư thực hiện việc mua chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ thông tin vào Phiếu Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở ("Phiếu Đăng Ký"). Phiếu Đăng Ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối chỉ định của Quỹ và tại Công ty DCVFM hoặc trên trang thông tin điện tử của DCVFM. Phiếu Đăng Ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Phiếu Đăng Ký. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Phiếu Đăng Ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Phiếu Đăng Ký mỗi khi có sự thay đổi. Thông tin này sẽ được lưu giữ trong Sổ Đăng Ký của Quỹ. Nhà đầu tư có thể mở tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Phiếu Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, các quy định liên quan đến giao dịch và số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại lý phân phối. b. Xử Lý Phiếu Đăng Ký/ Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở: Nhà đầu tư có thể nộp Phiếu Đăng Ký hoặc Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở ("Lệnh Mua") sau khi điền đầy đủ các thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu tại Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Danh sách các Đại lý phân</p>	<p>1. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ a. Đơn đăng ký mở tài khoản: Nhà đầu tư thực hiện việc mua chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ thông tin vào Phiếu Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở (Phiếu Đăng Ký). Phiếu Đăng Ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối chỉ định của Quỹ và tại Công ty DCVFM. Phiếu Đăng Ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Phiếu Đăng Ký. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Phiếu Đăng Ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Phiếu Đăng Ký mỗi khi có sự thay đổi. Thông tin này sẽ được lưu giữ trong Sổ Đăng Ký của Quỹ. Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Phiếu Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau của cùng một Nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại lý phân phối. b. Xử Lý Phiếu Đăng Ký/ Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở: Nhà đầu tư có thể nộp Phiếu Đăng Ký hoặc Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở (Lệnh Mua) sau khi điền đầy đủ các thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu tại các Đại lý phân phối của Quỹ. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được cập nhật tại Phụ lục 1 của Bản Cáo</p>	<p>Cập nhật thông tin</p>
----------	--	--	---------------------------

	<p>phối của Quỹ được cập nhật tại Phụ lục 1 của Bản Cáo Bạch và trên trang thông tin điện tử của DCVFM.</p> <p>Đại lý phân phối sẽ tập hợp các hồ sơ và chuyển thông tin cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối. Công ty quản lý quỹ được quyền Từ chối thực hiện các hồ sơ này của Nhà đầu tư trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình xử lý Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua.</p>	<p>Bạch.</p> <p>Các Đại lý phân phối sẽ tập hợp các hồ sơ này và chuyển thông tin này cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối. Công ty quản lý quỹ được quyền Từ chối thực hiện các hồ sơ này của Nhà đầu tư trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình xử lý Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua.</p>	
2	<p>2. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>a. Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>- Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF sẽ chuyển sang hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ 7 và/hoặc Chủ Nhật. Thời điểm áp dụng cụ thể cho việc tăng tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF này sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.</p> <p>e. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư:</p> <p>Trong vòng năm (05) ngày làm việc (T+5) kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, Quỹ DCBF sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh bằng tiền Việt Nam Đồng hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp Quỹ thanh toán cho đại lý ký danh thì đại lý ký danh sẽ có trách nhiệm thanh toán chi tiết đến từng nhà đầu tư thực hiện bán chứng chỉ quỹ tại chính đại lý ký danh đó theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đại lý ký danh;</p> <p>Trường hợp chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư thông qua tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định chỉ được áp dụng khi Nhà đầu tư sử dụng tài khoản ví điện tử (đã được định danh Nhà đầu tư) tại công ty có giấy phép cung cấp dịch vụ ví điện tử hoặc dịch vụ trung gian thanh toán (đã được DCVFM chấp thuận) để nhận tiền. Trường hợp tiền bán chứng chỉ quỹ được thanh toán vào tài khoản ngân hàng do Nhà</p>	<p>2. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>a. Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty Quản lý quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.</p> <p>...</p> <p>e. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư:</p> <p>Trong vòng năm (05) ngày làm việc (T+5) kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, Quỹ DCBF sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của nhà đầu tư sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ Quỹ;</p> <p>...</p> <p>Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư sửa đổi, cập nhật thông tin tại Đại Lý Phân Phối. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại Lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Lưu ý rằng Quỹ sẽ không thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ bằng tiền mặt, vì vậy Nhà Đầu Tư có trách nhiệm đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại Lý Phân Phối là</p>	<p>- Cập nhật thông tin</p> <p>- Bổ quy định về Số lượng CCQ để duy trì tài khoản</p>

	<p>đầu tư chỉ định, Nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký thông tin với Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trước thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu 01 (một) ngày làm việc.</p> <p>...</p> <p>Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu.</p> <p>f. Chứng chỉ quỹ lẻ Bỏ</p>	<p>chính xác. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu.</p> <p>f. Chứng chỉ quỹ lẻ Chứng chỉ quỹ lẻ được phát sinh từ một trong các nguyên nhân sau: o Phát sinh khi lệnh bán chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại mục 7 Chương V, của Bản cáo bạch; hoặc o Phát sinh từ lệnh mua của nhà đầu tư</p>	
3	<p>3. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch sau khi chuyển đổi.</p> <p>Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại.</p>	<p>3. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm phí phát hành chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch sau khi chuyển đổi.</p> <p>Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi phí mua lại.</p>	Điều chỉnh thông tin
4	<p>4. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán.</p>	<p>4. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh;</p> <p>...</p> <p>- Trong trường hợp tổng giá trị đăng ký mua của nhà đầu tư dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là hai (2) chứng chỉ quỹ, thì nhà đầu tư được nắm giữ chứng chỉ quỹ này được xem là chứng chỉ quỹ lẻ;</p> <p>...</p> <p>- Việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của nhà đầu tư đến tài khoản của Quỹ DCDS tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam.</p>	- Điều chỉnh thông tin - Bổ quy định về Số lượng CCQ duy trì tài khoản
5	<p>5. Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ ...</p> <p>- Bỏ</p>	<p>5. Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ ...</p> <p>Trong trường hợp số lượng đăng ký bán</p>	- Cập nhật thông tin - Bổ quy định về Số lượng CCQ duy trì tài khoản

	<p>...</p> <p>Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư sửa đổi, cập nhật thông tin tại Đại Lý Phân Phối. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại Lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Lưu ý rằng Quỹ sẽ không thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ bằng tiền mặt, vì vậy Nhà Đầu Tư có trách nhiệm đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại Lý Phân Phối là chính xác. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu</p>	<p>dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký bán toàn bộ số chứng chỉ quỹ còn lại cùng lúc tại ngày giao dịch;</p> <p>...</p> <p>Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu;</p>	
6	<p>6. Thực hiện giao dịch chuyển đổi các chứng chỉ quỹ mở</p> <p>Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ do Công ty DCVFM quản lý và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, ngoại trừ chuyển đổi qua Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) và số tiền chuyển đổi chứng chỉ quỹ sẽ phải đảm bảo mức tối thiểu của quỹ mục tiêu;</p> <p>Giao dịch chuyển đổi chỉ áp dụng cho phương thức đầu tư linh hoạt;</p>	<p>6. Thực hiện giao dịch chuyển đổi các chứng chỉ quỹ mở</p> <p>Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và số tiền chuyển đổi quỹ sẽ phải đảm bảo mức tối thiểu của Quỹ mục tiêu;</p>	- Điều chỉnh thông tin
7	<p>7. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>- Bỏ</p> <p>...</p> <p>4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; • Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào 	<p>7. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc</p> <p>...</p> <p>4. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu 	- Bỏ vì bị lặp nội dung - Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật hiện hành

	<p>ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán;</p> <ul style="list-style-type: none"> Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết. <p>Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.</p> <p>Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>...</p>	<p>cầu do nguyên nhân bất khả kháng;</p> <ul style="list-style-type: none"> Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ; Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết; <p>Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban chứng khoán nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm này và phải tiếp tục thực hiện mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi sự kiện này chấm dứt.</p> <p>Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.</p> <p>Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 5 điều này, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>...</p>	
8	<p>11.2 Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ</p> <p>- Bỏ</p>	<p>11.2 Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ</p> <p>c. Số lượng đặt bán dẫn đến số lượng chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản lớn hơn không (0) nhưng thấp hơn mức sở hữu tối thiểu quy định, ngoại trừ các giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được quy định tại mục 1, Điểm f Chương V của Bản cáo bạch này;</p> <p>d. Lệnh bán được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh của Quỹ.</p>	- Điều chỉnh thông tin
VI.	<p>Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)</p> <p>Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.</p> <p>5. Tổ Chức Được Ủy Quyền</p> <p>...</p>	<p>Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)</p> <p>Địa chỉ trụ sở chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.</p>	- Cập nhật thông tin

	Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ		
VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)			
1	<p>2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng</p> <p>a. Ngày định giá: Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.</p> <p>...</p> <p>2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ DCBF sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá trị hợp lý có biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).</p> <p>...</p>	<p>2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng</p> <p>a. Ngày định giá: Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần (với kỳ định giá hàng tuần) và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng). Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.</p> <p>...</p> <p>2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ DCBF sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ lưu ký, phí hành chính, giá dịch vụ định giá,...) tại ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá trị hợp lý có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).</p> <p>...</p>	Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật hiện hành
2	<p>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</p> <p>...</p> <p>2. Ngoại tệ: Bỏ</p> <p>3. Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá và theo hướng dẫn tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.</p> <p>4. Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác: Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá</p>	<p>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</p> <p>...</p> <p>4. Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</p>	

	<p>được xác định theo phương pháp định giá được đề cập trong Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quý phê duyệt.</p>	
3	<p>Trái Phiếu</p> <p>5. Trái phiếu niêm yết</p> <p>- Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quý phê duyệt.</p> <p>6. Trái phiếu không niêm yết</p> <p>- Giá trị trung bình (giá sạch) của các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quý phê duyệt cộng lãi lũy kế (*).</p> <p>Trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc • có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; hoặc • giá trung bình nêu trên (*) có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá, <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quý phê duyệt.</p> <p>7. Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi</p> <p>- Phương pháp đã được BĐD quý chấp thuận.</p> <p>8. Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được BĐD chấp thuận.</p>	<p>Trái Phiếu</p> <p>5. Trái phiếu niêm yết</p> <p>- Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quý phê duyệt.</p> <p>6. Trái phiếu không niêm yết</p> <p>- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quý phê duyệt cộng lãi lũy kế. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quý phê duyệt.</p> <p>7. Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi</p> <p>- Phương pháp đã được BĐD quý chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.</p> <p>8. Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được BĐD chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.</p>

4	<p>Cổ phiếu</p> <p>9. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quý chấp thuận. <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.</p> <p>11. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</p> <p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quý chấp thuận. <p>12. Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là 	<p>Cổ phiếu</p> <p>9. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quý chấp thuận <p>- Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.</p> <p>11. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</p> <p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quý chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể. <p>12. Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối 	
---	--	---	--

	<p>người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được BDD quý chấp thuận. 	<p>thiếu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được BDD quý chấp thuận. 	
5	<p>Chứng chỉ quỹ 13. Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website UBCKNN theo chi tiết tại Sổ tay định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận. <p>14. Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết</p> <p>Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quý DCBF.</p>	<p>Chứng chỉ quỹ 13. Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện quý chấp thuận. <p>14. Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết</p> <p>Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quý DCBF.</p>	
6	<p>Chứng khoán phái sinh</p> <p>14. Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận. <p>15. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến</p>	<p>Chứng khoán phái sinh</p> <p>14. Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận. <p>15. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến</p>	

	ngày định giá Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.	ngày định giá Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.	
6	Các tài sản khác 18. Các tài sản được phép đầu tư khác: Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá trị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. ... - Bỏ ...	Các tài sản khác 17. Các tài sản được phép đầu tư khác: Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá trị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp; hoặc Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. ... Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay định giá. Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ ...	

VII. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

1	2.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ • Giá dịch vụ quản lý là 1,2% giá trị tài sản ròng của Quỹ DCBF/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ • Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. • Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) • Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau: Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm	2.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ • Giá dịch vụ quản lý là 1,2% giá trị tài sản ròng của Quỹ DCBF/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ • Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. • Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 1,2% giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) • Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau: Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ 1,2% giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ 1,2% giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong	Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật hiện hành
----------	---	---	---

	(365 hoặc 366)]	tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]																
2	<p>2.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quý. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng; Giá dịch vụ giám sát tối đa là 0,04% NAV/năm; Giá dịch vụ lưu ký tối đa là 0,04% NAV/năm; Mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch. Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tuân thủ theo quy định của pháp luật (nếu có) Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v.... Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) Trong trường hợp theo quy định Quý phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau: Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x 	<p>2.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quý. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng; <table border="1" data-bbox="744 655 1100 810"> <thead> <tr> <th>Loại giá dịch vụ</th> <th>Mức giá dịch vụ tối đa (NAV/năm)</th> <th>Trong mọi trường hợp: mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VNĐ/tháng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giá dịch vụ giám sát</td> <td>0,04%</td> <td>15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là 01 lần/tháng) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)</td> </tr> <tr> <td>Giá dịch vụ lưu ký</td> <td>0,04%</td> <td>17.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>10.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch. Các loại giá dịch vụ, phí khác được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ. Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tuân thủ theo quy định của pháp luật và tính trên bình quân NAV tại các kỳ định giá trong tháng. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/ hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v.... Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) Trong trường hợp theo quy định Quý phải xác định NAV hàng tháng thì giá 	Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ tối đa (NAV/năm)	Trong mọi trường hợp: mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VNĐ/tháng)	Giá dịch vụ giám sát	0,04%	15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là 01 lần/tháng) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)	Giá dịch vụ lưu ký	0,04%	17.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)			15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)			10.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)	
Loại giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ tối đa (NAV/năm)	Trong mọi trường hợp: mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VNĐ/tháng)																
Giá dịch vụ giám sát	0,04%	15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là 01 lần/tháng) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)																
Giá dịch vụ lưu ký	0,04%	17.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)																
		15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)																
		10.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quý là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)																

	<p>NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]</p> <ul style="list-style-type: none"> Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ. 	<p>dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] 						
3	<p>2.3 Giá dịch vụ quản trị quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ DCBF trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,03% NAV/năm Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau: Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ. 	<p>2.3 Giá dịch vụ quản trị quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ DCBF trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ; Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ được chi trả hàng tháng với mức giá dịch vụ cụ thể như sau: <table border="1" data-bbox="749 1081 1103 1155"> <thead> <tr> <th>Mức giá dịch vụ tối đa (NAV/năm)</th> <th>Trong mọi trường hợp mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VNĐ/tháng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2">0,03%</td> <td>10.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quỹ là 01 đô/lot) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)</td> </tr> <tr> <td>15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Công thức tính giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau: Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ 	Mức giá dịch vụ tối đa (NAV/năm)	Trong mọi trường hợp mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VNĐ/tháng)	0,03%	10.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quỹ là 01 đô/lot) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)	15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)	
Mức giá dịch vụ tối đa (NAV/năm)	Trong mọi trường hợp mức giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng (VNĐ/tháng)							
0,03%	10.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quỹ là 01 đô/lot) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)							
	15.000.000 (nếu tiền suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)							

	<ul style="list-style-type: none"> Tổng giá dịch vụ Giám sát, Lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng và chi tiết các khoản được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ. 	<p>quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]</p>	
4	<p>2.4 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau: Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSD theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ (TERo) sẽ được giới hạn ở hạn mức 1.5% NAV/năm (NAV dùng để tính phí). Tổng chi phí cho mục đích tính TERo bao gồm tất cả các chi phí hoạt động của Quỹ.(ngoại trừ phí giao dịch đầu tư) Phần vượt hạn mức TERo 1.5%NAV/năm sẽ được giảm trừ vào chi phí quản lý quỹ và có hiệu lực từ ngày 06/07/2022 cho đến khi có thông báo khác trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ DCVFM. 	<p>2.4 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ do Quỹ DCBF chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ giao dịch mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, miễn phí cho 400 giao dịch đầu tiên/tháng. Giá dịch vụ thực hiện quyền là 1.000.000 đồng/1 lần cung cấp danh sách thực hiện quyền. Tổng giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/năm. Tổng giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 96 triệu đồng/năm (8 triệu đồng/tháng). Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu này. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ được tính lại vào cuối năm dựa vào NAV bình quân của năm và sẽ được điều chỉnh vào tháng đầu tiên của năm sau (nếu có). Mức giá dịch vụ, phương pháp và thời hạn thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Các loại giá dịch vụ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật. 	
5	<p>2.5 Các loại phí và lệ phí khác</p> <p>...</p> <p>7. Thù lao và chi phí công tác cho Ban đại diện Quỹ;</p> <p>...</p> <p>14. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;</p> <p>15. Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);</p>	<p>2.5 Các loại phí và lệ phí khác</p> <p>...</p> <p>7. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;</p>	

16. Công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ.		
--	--	--

Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Hồ sơ kèm theo:

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Điều Lệ/Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

**TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

